

TRANG KIỂM SOÁT VĂN BẢN

A. KIỂM SOÁT PHÂN PHỐI

STT	PHÒNG, ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN PHỐI	SỐ LƯỢNG
1	Ban Tổng Giám đốc	03
2	Hội đồng thành viên	05
3	Kiểm soát viên	03
4	Phòng Quản lý Kỹ thuật	01
5	Phòng Thị trường kinh doanh	01
6	Phòng Tài chính kế toán	01
7	Phòng Quản lý đầu tư và xây dựng	01
8	Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương	01
9	Phòng pháp chế thanh tra - Bảo vệ	01
10	Văn phòng Công ty	01
11	Văn phòng Công đoàn	01
12	08 Đội trực thuộc	08

B. KIỂM SOÁT SỬA ĐỔI

Tóm tắt các thay đổi:

- Ban hành Lần 04 Quy định về hoạt động quản lý Quy trình khai hoang - thiết kế lô
- Lý do thay đổi: Bổ sung, điều chỉnh thêm các nội dung trong tài liệu này.
- Nội dung cập nhật sửa đổi:
 - + Phần A: Kiểm soát phân phối: Thay đổi cơ cấu tổ chức, trang 2/7.
 - + Thay đổi mô hình quản lý từ ba cấp: Công ty – Nông trường – Tổ xuống còn hai cấp Công ty – Đội
 - + Phòng Quản lý chất lượng sát nhập vào phòng Thị trường kinh doanh theo Quyết định số 1638 ngày 27/11/2024 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Kế hoạch đầu tư đổi tên thành phòng Quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định số 837 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Thanh tra bảo vệ quân sự đổi tên thành phòng Pháp chế thanh tra bảo vệ theo Quyết định số 836 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH

1. Thuật ngữ viết tắt

- TĐCNCSVN : Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
- CP : Cổ phần.
- KT : Kỹ thuật.
- QTKT : Quy trình kỹ thuật
- Đơn vị : Đơn vị trực thuộc.

2. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về những hoạt động quản lý nhằm đảm bảo QTKT trồng, đảm bảo chu kỳ kiến thiết cơ bản vườn cây không vượt quá 8 năm (tùy theo từng hạng đất và phương pháp trồng).

Quy trình phục hoang và thiết kế lô được áp dụng thống nhất trong toàn bộ diện tích Công ty đang quản lý.

3. Tài liệu tham khảo

- Quy trình kỹ thuật cây cao su do Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam ban hành năm 2020;
- Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cao su bền vững do Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam ban hành năm 2019.

4. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Đội trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

5. Điều khoản thi hành

Tất cả các đơn vị trồng, chăm sóc và thu hoạch mủ cao su do Công ty quản lý phải áp dụng nghiêm túc các điều khoản được nêu trong Quy trình. Việc thực hiện các điều khoản, biện pháp kỹ thuật không được nêu trong quy trình này phải được sự chấp thuận bằng văn bản.

Lãnh đạo các đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp với ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức thực hiện Quy trình. Các đơn vị thành viên có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất hoặc bổ sung các điều khoản được nêu trong Quy trình.

Công ty có trách nhiệm tập huấn, giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Quy trình tại đơn vị.

PHẦN II: QUY TRÌNH KỸ THUẬT KHAI HOANG VÀ XÂY DỰNG VƯỜN CÂY

1. Quy định chung về xây dựng vườn cây

1.1. Quy định chung

- Đối với các dự án mới mở rộng diện tích trồng cao su, chỉ cho phép trồng mới cao su khi có sự kiểm định kết quả phân hạng đất trồng cao su của một tổ chức chuyên môn do Tập đoàn chỉ định.

- “Đất dốc” được quy định là đất có độ dốc từ 5° (8,7%) trở lên và đất bằng là đất có độ dốc nhỏ hơn 5° (8,7%); “độ dốc” của một lô hay một vùng là độ dốc bình quân của lô hay vùng đó; “đường lô” bao gồm đường bao quanh lô và đường đi xuyên lô. Tham khảo *Phụ lục 1* về chuyển đổi độ dốc giữa độ (°) và phần trăm (%).

i) Trên vùng đất bằng phẳng úng nước trong mùa mưa và khô hạn trong mùa khô thường xuất hiện rừng khộp nghèo, tầng đất canh tác mỏng với lớp đất mặt có tỷ lệ cát cao và sát ngay bên dưới có nhiều lớp sét bí chặt, thảm thực vật thưa thớt chủ yếu của vài loài cây họ Dầu, nhất là cây Dầu rái.

ii) Trên sườn dốc, nơi có tầng đất và thủy cấp sâu hơn, thường xuất hiện rừng khộp giàu, tầng canh tác dày, thảm thực vật phong phú, phát triển tốt và ngoài các loài cây chỉ thị họ Dầu còn có nhiều cây gỗ quý như: Giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus*), Trắc (*Dalbergia cochinchinensis*), Cẩm lai (*Dalbergia oliveri*), Gụ (*Sindora cochinchinensis*), Mun (*Diospyros mun*)... Một số vùng rừng khộp giàu, trên sườn dốc có đá tảng hoặc đá phiến gần mặt đất cũng xuất hiện rừng khộp nghèo tương tự vùng bằng phẳng, ngập úng.

1.2. Tiêu chuẩn đất trồng cao su

- Đất trồng cây cao su phải có độ dốc dưới 30° và cao trình dưới 700 m, riêng vùng miền núi phía Bắc dưới 600 m. Trong phạm vi từ mặt đất đến độ sâu 70 cm, đất không bị ngập úng thường xuyên hơn 3 tháng, tỷ lệ laterite cứng hoặc sỏi sạn, đá cục nhỏ hơn 70% thể tích. Trong phạm vi từ mặt đất đến độ sâu 150 cm không có đá tảng và không có tầng sét nén chặt (*Phụ lục 2*).

- Vùng quy hoạch trồng cao su phải liền vùng liền khoảnh tránh manh mún. Đối với vùng trồng có cao trình vượt giới hạn quy định, Ban Quản lý Kỹ thuật và Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam xem xét, đề xuất Tập đoàn quyết định.

2. Khai hoang và làm đất trồng cao su

Khai hoang làm đất trồng cao su được thực hiện theo *Quy trình kỹ thuật khai hoang và xây dựng vườn cây* do Tập đoàn ban hành, cần lưu ý các yêu cầu sau:

2.1. Khai hoang trên vùng đất ngập úng

- Chọn những khu vực không ngập úng hoặc úng nhẹ tiến hành khai hoang trước. Các khu vực ngập úng nặng để lại khai hoang sau một vài năm khi tình trạng ngập úng giảm. Những diện tích đã khai hoang nếu phát hiện ngập úng nặng, khó khăn trong xây dựng hệ thống chống úng, thì có thể để lại trồng cao su các năm sau, khi tình trạng ngập úng giảm.

- Khi khai hoang, không dồn tàn dư thực vật xuống các hợp thủy, khe suối và bầu trũng; sau khi khai hoang, rà rề một lần trên hàng trồng, không cày đất.

- Hệ thống mương tiêu chính được thiết kế trên bản đồ địa hình trước khi thiết kế lô ngoài thực địa. Trước khi trồng cao su, đất phải được khai hoang hợp lý và hoàn chỉnh các công trình xây dựng vườn cây bao gồm đường lô và hệ thống thoát thủy cấp 1. Chuẩn bị đất trồng phải hoàn tất trước thời vụ trồng mới. Đất có cỏ tranh phải sử dụng thuốc diệt cỏ sinh học được phép sử dụng trong nông nghiệp diệt hết trước khi trồng.

2.2. Khai hoang trên vùng đất dốc

- Không khai hoang trắng và cày xới lớp đất mặt, không khai hoang tại các hợp thủy là đường dẫn nước ra các khe suối hoặc có mái dốc bình quân lớn hơn 30°.

- Chôm rừng và thảm thực vật tự nhiên ở đỉnh đồi có tác dụng chống xói mòn cần phải giữ lại, không khai hoang.

- Sau khi khai hoang chỉ rả rễ trên hàng trồng, không cày xới và rả rễ trên toàn bộ diện tích.

- Các đường lô được thiết kế với độ dốc không vượt quá $7,5^\circ$ (theo Quy trình kỹ thuật khai hoang xây dựng vườn cây trên đất dốc của Tập đoàn). Các vùng có độ dốc trên 15° , phải làm các đường lô chính (phục vụ cho công tác thiết kế tuyến lô, tuyến đường) trước khi khai hoang.

- Phải hoàn chỉnh các công trình xây dựng vườn cây bao gồm đường lô và hệ thống chống xói mòn trước khi đưa vào trồng cao su. Chuẩn bị đất trồng phải hoàn tất trước thời vụ trồng mới. Đất có cỏ tranh phải sử dụng thuốc diệt cỏ sinh học được phép sử dụng trong nông nghiệp diệt hết trước khi trồng.

3. Thiết kế lô cao su (Điều 28 Quy trình Kỹ thuật cây cao su năm 2020)

3.1 Thiết kế lô trên đất bằng

- Bản đồ thiết kế lô: lập sơ đồ mặt bằng thiết kế lô, đường lô ngoài thực địa trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

- Hình dạng và diện tích lô: thiết kế lô diện tích 12,5 ha (500 m x 250 m) hoặc 25 ha (500 m x 500 m).

- Mật độ, khoảng cách và hướng hàng trồng: mật độ 500 - 800 cây/ha, khoảng cách hàng trồng 6 - 8 m, cây cách cây 2,5 - 3,0 m, hàng trồng theo hướng Bắc - Nam. Các khoảng cách trồng phổ biến là 6 m x 3 m (555 cây/ha) và 7 m x 2,5 m (571 cây/ha). Vùng bị ảnh hưởng gió bão trồng theo hướng Đông - Tây; Đối với mật độ thiết kế từ trên 571/ha đến tối đa 800 cây/ha, tùy địa hình thực tế có phương án thiết kế khoảng cách phù hợp.

- Đối với những lô cao su cần trồng xen, thiết kế hàng kép theo hướng Đông - Tây, mật độ 500 - 800 cây/ha, với khoảng cách hàng kép 10 - 16 m, khoảng cách hàng đơn 4 - 6 m, cây cách cây 2,0 - 2,5 m. Khoảng cách trồng hàng kép phổ biến là 10 x 5 x 2,5 m (533 cây/ha), 10 x 6 x 2,5 m (500 cây/ha), 12 x 6 x 2 m (555 cây/ha), 14 x 5 x 2 m (526 cây/ha), 14 x 6 x 2 m (500 cây/ha), 15 x 5 x 2 m (500 cây/ha), giãn hàng đơn là 10 x 2 m (500 cây/ha).

Đối với các lô diện tích nhỏ hơn 5 ha, không sử dụng tên riêng, mà sáp nhập với các lô nhỏ liền kề cùng năm trồng, hoặc sử dụng tên lô cùng tên với một lô có diện tích lớn hơn liền kề, được phân biệt bằng ký tự đứng sau;

- Mật độ, khoảng cách và hướng trồng: thiết kế theo *Bảng 1*

Bảng 1: Mật độ, khoảng cách và hàng trồng phổ biến trên đất bằng

Mật độ (cây/ha)	Khoảng cách	Hướng hàng trồng *
555	6 m x 3 m	Bắc - Nam
571	7 m x 2,5 m	Bắc - Nam

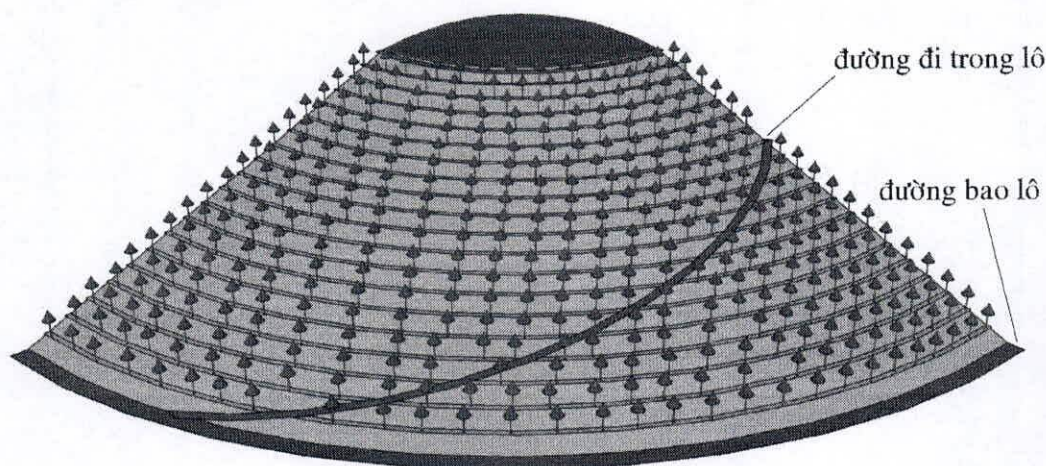
3.2. Thiết kế lô trên đất dốc

- Bản đồ thiết kế lô: lập sơ đồ mặt bằng thiết kế lô, đường lô, hệ thống chống xói mòn (nếu điều kiện cho phép) ngoài thực địa trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000;

- Hình dạng và diện tích lô: thiết kế lô có hình dạng và kích thước tùy theo địa hình cụ thể, trong đó diện tích lô tối thiểu 6 ha. Mỗi lô có một đường đi trong lô, cắt xéo các đường đồng mức, đường đi xuyên lô này kết nối với tất cả các hàng trồng trong lô, phục vụ chăm sóc, vận chuyển vật tư, phân bón và thu hoạch mủ (Hình II.1). Đối với các lô xếp diện tích nhỏ hơn 3 ha, cách đặt tên lô theo như quy định cách đặt tên lô nhỏ hơn 5 ha trên đất bằng tại mục a;

- Mật độ và khoảng cách: trồng cao su trên các băng đồng mức, mật độ 500 - 800 cây/ha, với khoảng cách hàng trồng 7 - 8 m, cây cách cây 2,5 - 3,0 m;

- Khoảng cách trồng phổ biến trên đất dốc $\leq 15^\circ$ là 7 m x 2,5 m (571 cây/ha) và trên đất dốc $> 15^\circ$ là 8 m x 2,5 m (500 cây/ha). Tại các điểm địa hình uốn gât, khoảng cách hàng cách hàng có thể dao động $\pm 1,0$ m và khoảng cách cây cách cây có thể dao động $\pm 0,5$ m so với khoảng cách thiết kế.



3.3. Thiết kế lô trên đất ngập úng

- Bản đồ thiết kế lô: lập sơ đồ mặt bằng thiết kế lô, đường lô và hệ thống mương tiêu nước chống úng ngoài thực địa trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Hình dạng và diện tích lô: thiết kế lô diện tích 12,5 ha (500 m x 250 m).

- Mật độ, khoảng cách và hàng trồng: thiết kế theo *Bảng 3*.

Bảng 3: Mật độ, khoảng cách và hàng trồng trên đất ngập úng

Mật độ (cây/ha)	Khoảng cách	Hướng hàng trồng
555	6 m x 3 m	Theo độ dốc đổ ra mương tiêu của lô
571	7 m x 2,5 m	Theo độ dốc đổ ra mương tiêu của lô

4. Quản lý đất giữa hàng và các công trình phụ trên lô (Điều 31 Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020)

- Trong quá trình chăm sóc, hạn chế cây xói giữa hàng, duy trì có kiểm soát thảm thực vật tự nhiên giữa hàng (ngoại trừ cỏ tranh, le, tre nứa). Ở những nơi có điều kiện, cần sớm thiết lập thảm phủ họ đậu hoặc các loài cây khác có khả năng bảo vệ đất.

- Thường xuyên kiểm tra phát hiện sớm những điểm sạt lở, xói mòn trên nương bờ và đất mặt để có biện pháp xử lý kịp thời. Trồng cây che phủ toàn bộ mặt bờ và phía trên đầu dốc nương bằng các loại cỏ, cây thân bò, thân bụi chống chịu hạn.

- Trong mùa mưa, đối với các vùng lòng chảo, có nguồn nước từ bên ngoài xâm nhập vào vùng cao su, cần áp dụng các biện pháp đắp đê ngăn nước tràn vào và đào nương dẫn dòng chảy ra khỏi vùng trồng cao su.

- Trong mùa khô, đối với các vùng có hiện tượng khô hạn, cần giữ nước lại cho vườn cây qua mùa bằng cách đắp đê chặn các nương tiêu T2, T3 trước khi mùa khô đến.

- Đầu và giữa mùa mưa, nạo vét các nương đạt độ sâu và độ dốc quy định, đất nạo vét bỏ cách mép nương 1,0 m. Thường xuyên kiểm tra các điểm thu, xả nước của các nương, các cống, xử lý kịp thời các điểm sạt lở, bồi lắng làm tắc nghẽn dòng chảy. Trên nương T1, những đoạn lưu lượng tiêu nước lớn không đạt tốc độ thoát, cần nắn thẳng các đoạn cong, mở rộng các đoạn hẹp./.